

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 602 /QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 04 tháng 5 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện Sơn Hòa và vị trí việc làm cán bộ, công chức cấp xã của huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Thông tư số 11/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Nội vụ;

Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức;

Căn cứ Thông tư của các Bộ, ngành Trung ương hướng dẫn vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành;

Căn cứ Công văn 7583/BNV-TCBC ngày 23/12/2023 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn một số nội dung vướng mắc trong việc xây dựng Đề án và phê duyệt vị trí việc làm;

Căn cứ Công văn số 64/BNV-CCVC ngày 05/01/2024 của Bộ Nội vụ về xác định cơ cấu ngạch công chức và cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Nghị quyết số 160 /NQ-UBND ngày 04 /5/2024 của UBND tỉnh về nội dung trình xin ý kiến thành viên UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 165/TTr-SNV ngày 11/4/2024 và đề nghị của UBND huyện Sơn Hòa tại Tờ trình số 24/TTr-UBND ngày 29/02/2024 (gửi kèm theo Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của UBND huyện Sơn Hòa).

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện Sơn Hòa, như sau:

**I. Tổng số vị trí việc làm đề nghị phê duyệt:** 138 vị trí, trong đó:

1. Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý: 12 vị trí.

2. Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành: 114 vị trí.

3. Vị trí việc làm chuyên môn dùng chung: 09 vị trí.

4. Vị trí việc làm hỗ trợ phục vụ: 03 vị trí.

*(Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo)*

**II. Về cơ cấu ngạch công chức:**

1. Công chức giữ ngạch chuyên viên và tương đương: 42/53 công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, chiếm tỷ lệ 79,25%.

2. Công chức giữ ngạch cán sự, nhân viên và tương đương: 11/53 công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, chiếm tỷ lệ 20,75%.

*(Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo)*

**Điều 2.** Phê duyệt 17 vị trí việc làm cán bộ, công chức cấp của huyện Sơn Hòa, như sau:

1. Vị trí việc làm cán bộ cấp xã: 11 vị trí.

2. Vị trí việc làm công chức cấp xã: 06 vị trí.

*(Chi tiết tại Phụ lục 3 kèm theo)*

**Điều 3.** UBND tỉnh giao UBND huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên:

1. Căn cứ vị trí việc làm để xác định biên chế công chức của các phòng trực thuộc, bảo đảm không vượt số biên chế được UBND tỉnh giao; rà soát, điều chỉnh biên chế của từng vị trí việc làm theo lộ trình tinh giản biên chế được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ).

2. Căn cứ danh mục vị trí việc làm đã được UBND tỉnh phê duyệt, thực hiện rà soát, bố trí và có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đối với công chức chưa đáp ứng tiêu chuẩn ngạch công chức, trình độ chuyên môn hoặc giải quyết các trường hợp không phù hợp với vị trí việc làm theo quy định.

3. Đề xuất UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) điều chỉnh, bổ sung danh mục vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức của vị trí việc làm khi cần thiết.

**Điều 4.** Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1056/QĐ-UBND ngày 26/5/2017 của UBND tỉnh Phú Yên về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức thuộc UBND huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên và Quyết định số 784/QĐ-UBND ngày 27/5/2019 của UBND tỉnh Phú Yên về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức thuộc UBND huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch UBND huyện Sơn Hòa và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đào Mỹ**

**PHỤ LỤC 1**

**Danh mục vị trí việc làm các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện Sơn Hòa**  
(Kèm theo Quyết định số : 602 /QĐ-UBND ngày 04 /5/2024 của UBND tỉnh)

<b>TT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Số lượng VTVL</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>I</b>	<b>Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý</b>	<b>12</b>	
1	Chủ tịch HĐND huyện	1	
2	Chủ tịch UBND huyện	1	
3	Phó Chủ tịch HĐND huyện	1	
4	Phó Chủ tịch UBND huyện	1	
5	Trưởng ban	1	
6	Chánh Văn phòng	1	
7	Chánh Thanh tra	1	
8	Trưởng phòng	1	
9	Phó Trưởng ban	1	
10	Phó Chánh Văn phòng	1	
11	Phó Chánh Thanh tra	1	
12	Phó Trưởng phòng	1	
<b>II</b>	<b>Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành</b>	<b>114</b>	
13	Chuyên viên tham mưu tổng hợp về chuyên ngành	1	
14	Chuyên viên về quản lý thông tin lãnh đạo	1	
15	Chuyên viên về thư ký – biên tập	1	
16	Chuyên viên về kiểm soát thủ tục hành chính	1	
17	Chuyên viên về tiếp công dân, xử lý đơn thư	1	
18	Chuyên viên về quản lý công nghệ thông tin (bao gồm: công nghiệp, công nghệ thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số)	1	
19	Chuyên viên về kiểm soát bệnh tật	1	
20	Chuyên viên về thiết bị y tế, công trình y tế	1	
21	Chuyên viên về Dược	1	
22	Chuyên viên về An toàn thực phẩm	1	
23	Chuyên viên về Dân số	1	
24	Chuyên viên về quản lý khám chữa bệnh	1	
25	Chuyên viên về Bảo hiểm y tế	1	
26	Chuyên viên về chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em	1	
27	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	1	

<b>TT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Số lượng VTVL</b>	<b>Ghi chú</b>
28	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	1	
29	Chuyên viên về địa giới hành chính	1	
30	Chuyên viên về cải cách hành chính	1	
31	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	1	
32	Chuyên viên về quản lý tín ngưỡng, tôn giáo	1	
33	Chuyên viên về quản lý văn thư, lưu trữ	1	
34	Chuyên viên về Quản lý tài chính, ngân sách	1	
35	Chuyên viên về Quản lý kinh tế tổng hợp	1	
36	Chuyên viên về Quản lý đầu tư	1	
37	Chuyên viên về Quản lý kinh tế đối ngoại	1	
38	Chuyên viên về Quản lý quy hoạch	1	
39	Chuyên viên về Quản lý đầu thầu	1	
40	Chuyên viên về Quản lý doanh nghiệp	1	
41	Chuyên viên về Quản lý kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác xã	1	
42	Chuyên viên về Quản lý tài sản công	1	
43	Chuyên viên về Quản lý giá	1	
44	Chuyên viên về khoáng sản	1	
45	Chuyên viên về đo đạc và bản đồ	1	
46	Chuyên viên về quản lý đất đai	1	
47	Chuyên viên về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	1	
48	Chuyên viên về môi trường	1	
49	Chuyên viên về biến đổi khí hậu	1	
50	Chuyên viên về tài nguyên nước	1	
51	Chuyên viên về quản lý chăn nuôi, thú y	1	
52	Chuyên viên về quản lý trồng trọt, bảo vệ thực vật	1	
53	Chuyên viên về quản lý thủy sản	1	
54	Chuyên viên về quản lý lâm nghiệp	1	
55	Chuyên viên về quản lý thủy lợi, đê điều, phòng chống thiên tai và nước sạch nông thôn	1	
56	Chuyên viên về quản lý chất lượng, chế biến và phát triển thị trường	1	
57	Chuyên viên về phát triển nông thôn	1	
58	Chuyên viên về quản lý quy hoạch xây dựng	1	
59	Chuyên viên về quản lý kiến trúc	1	
60	Chuyên viên về quản lý hoạt động đầu tư xây dựng	1	
61	Chuyên viên về quản lý phát triển đô thị	1	

<b>TT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Số lượng VTVL</b>	<b>Ghi chú</b>
62	Chuyên viên về quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị	1	
63	Chuyên viên về quản lý về nhà ở	1	
64	Chuyên viên về quản lý nhà công sở	1	
65	Chuyên viên về quản lý vật liệu xây dựng	1	
66	Chuyên viên về quản lý thương mại trong nước	1	
67	Chuyên viên về quản lý công nghiệp	1	
68	Chuyên viên về kết cấu hạ tầng giao thông (đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không)	1	
69	Chuyên viên về an ninh, an toàn giao thông (đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không)	1	
70	Chuyên viên về quản lý vận tải (đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không)	1	
71	Chuyên viên về quản lý phương tiện và người lái	1	
72	Chuyên viên về quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (gồm cả hoạt động và nhiệm vụ khoa học và công nghệ)	1	
73	Chuyên viên về phát triển khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (bao gồm cả phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ)	1	
74	Chuyên viên về quản lý hoạt động tiêu chuẩn hoá	1	
75	Chuyên viên về quản lý hoạt động đo lường	1	
76	Chuyên viên về quản lý đánh giá hợp chuẩn và hợp quy	1	
77	Chuyên viên về người có công	1	
78	Chuyên viên về bảo trợ xã hội	1	
79	Chuyên viên về giám nghèo	1	
80	Chuyên viên về lao động tiền lương	1	
81	Chuyên viên về trẻ em	1	
82	Chuyên viên về bảo hiểm xã hội	1	
83	Chuyên viên về bình đẳng giới	1	
84	Chuyên viên về an toàn, vệ sinh lao động	1	
85	Chuyên viên về phòng, chống tệ nạn xã hội	1	
86	Chuyên viên về việc làm	1	
87	Chuyên viên về đào tạo (gồm đào tạo chính quy và đào tạo thường xuyên)	1	

<b>TT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Số lượng VTVL</b>	<b>Ghi chú</b>
88	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực gia đình	1	
89	Chuyên viên về quản lý văn hóa cơ sở (bao gồm quản lý thư viện và quản lý văn hoá dân tộc)	1	
90	Chuyên viên về quản lý thể dục, thể thao cho mọi người	1	
91	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở	1	
92	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực di sản văn hóa	1	
93	Chuyên viên về quản lý thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp	1	
94	Chuyên viên về quản lý xúc tiến, quảng bá du lịch	1	
95	Chuyên viên về quản lý báo chí	1	
96	Chuyên viên về quản lý phát thanh truyền hình	1	
97	Chuyên viên về quản lý thông tin điện tử	1	
98	Chuyên viên về quản lý thông tin đối ngoại	1	
99	Chuyên viên về quản lý xuất bản	1	
100	Chuyên viên về quản lý in	1	
101	Chuyên viên về quản lý phát hành	1	
102	Chuyên viên về quản lý quản lý bưu chính	1	
103	Chuyên viên về quản lý viễn thông	1	
104	Chuyên viên về quản lý tần số vô tuyến điện	1	
105	Chuyên viên về quản lý công nghệ thông tin (bao gồm: công nghiệp, công nghệ thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số)	1	
106	Chuyên viên về quản lý giao dịch điện tử	1	
107	Chuyên viên về quản lý an toàn thông tin mạng	1	
108	Chuyên viên về quản lý chương trình giáo dục	1	
109	Chuyên viên về quản lý tổ chức và hoạt động cơ sở giáo dục	1	
110	Chuyên viên về quản lý bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục	1	
111	Chuyên viên về quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục	1	
112	Chuyên viên về quản lý chính sách và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục	1	
113	Chuyên viên về quản lý người học	1	
114	Chuyên viên về quản lý thi và văn bằng, chứng chỉ	1	
115	Vị trí việc làm về công tác dân tộc	1	
116	Chuyên viên về xây dựng pháp luật	1	
117	Chuyên viên về phổ biến, giáo dục pháp luật, hoà giải ở cơ sở và tiếp cận pháp luật	1	

<b>TT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Số lượng VTVL</b>	<b>Ghi chú</b>
118	Chuyên viên về quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật	1	
119	Chuyên viên về kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật	1	
120	Chuyên viên về hành chính Tư pháp	1	
121	Thanh tra viên về công tác thanh tra	1	
122	Chuyên viên về công tác thanh tra	1	
123	Thanh tra viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	1	
124	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	1	
125	Thanh tra viên về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	1	
126	Chuyên viên về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	1	
<b>III</b>	<b>Nhóm vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung</b>	<b>9</b>	
127	Chuyên viên về tổng hợp	1	
128	Chuyên viên về hành chính – văn phòng	1	
129	Chuyên viên về lưu trữ	1	
130	Văn thư viên trung cấp	1	
131	Kế toán viên	1	
132	Chuyên viên về quản trị công sở	1	
133	Chuyên viên về kế hoạch và đầu tư	1	
134	Chuyên viên về Tài chính	1	
135	Nhân viên thủ quỹ	1	
<b>IV</b>	<b>Nhóm vị trí việc làm hỗ trợ phục vụ</b>	<b>3</b>	
136	Nhân viên Phục vụ	1	
137	Nhân viên Lái xe	1	
138	Nhân viên Bảo vệ	1	

**PHỤ LỤC 2**

**Cơ cấu ngạch công chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện Sơn Hòa**  
(Kèm theo Quyết định số : 602 /QĐ-UBND ngày 04 /5/2024 của UBND tỉnh)

TT	Tên cơ quan	Số lượng biên chế được giao năm 2024	Số lượng công chức (không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý)	Ngạch, tỷ lệ cơ cấu ngạch công chức (%)				Ghi chú
				Chuyên viên và tương đương	Tỷ lệ cơ cấu ngạch	Cán sự, nhân viên và tương đương	Tỷ lệ cơ cấu ngạch	
1	Văn phòng HĐND và UBND huyện	17	8	6	11,32%	2	3,77%	
2	Phòng Nội vụ	8	5	4	7,55%	1	1,89%	
3	Phòng Tài chính – Kế hoạch	8	5	4	7,55%	1	1,89%	
4	Phòng Lao động – Thương binh và xã hội	7	4	3	5,66%	1	1,89%	
5	Phòng Tài nguyên và Môi trường	8	5	4	7,55%	1	1,89%	
6	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	8	5	4	7,55%	1	1,89%	
7	Phòng Văn hóa và Thông tin	6	4	3	7,55%	1	1,89%	
8	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	7	4	3	7,55%	1	1,89%	
9	Phòng Giáo dục và Đào tạo	9	6	5	9,43%	1	1,89%	
10	Phòng Dân tộc	4	2	2	3,77%		0%	
11	Phòng Tư pháp	4	2	2	3,77%		0%	
12	Thanh tra	5	3	2	3,77%	1	1,89%	
<b>Tổng số</b>		<b>91</b>	<b>53</b>	<b>42</b>	<b>79,25 %</b>	<b>11</b>	<b>20,75%</b>	



**PHỤ LỤC 3**

**Vị trí việc làm cán bộ, công chức cấp xã của UBND huyện Sơn Hòa**  
(Kèm theo Quyết định số : 602 /QĐ-UBND ngày 04 /5/2024 của UBND tỉnh)

<b>TT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Số lượng VTVL</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>I</b>	<b>Cán bộ cấp xã</b>	<b>11</b>	
1	Bí thư Đảng ủy	1	
2	Phó Bí thư Đảng ủy	1	
3	Chủ tịch HĐND	1	
4	Phó Chủ tịch HĐND	1	
5	Chủ tịch UBND	1	
6	Phó Chủ tịch UBND	1	
7	Chủ tịch UBMTTQVN	1	
8	Bí thư Đoàn TNCSHCM	1	
9	Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ	1	
10	Chủ tịch Hội Nông dân	1	
11	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	1	
<b>II</b>	<b>Công chức cấp xã</b>	<b>6</b>	
1	Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự	1	
2	Văn phòng - Thống kê	1	
3	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc địa chính -nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã);	1	
4	Tài chính - kế toán	1	
5	Tư pháp - hộ tịch	1	
6	Văn hóa - xã hội cấp xã	1	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>17</b>	